

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày 29-6-2020
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Văn Công;

2- Ông Nguyễn Quang Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Triệu Đức P 34 tuổi ,

Địa chỉ: Thôn Th- xã YT- huyện L- Yên Bái, có mặt.

Bị đơn: Anh Mông Ngọc B 48 tuổi và chị Hoàng Thị S 48 tuổi

Địa chỉ: Thôn L- xã YT- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10-3-2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Triệu Đức P trình bày: Ngày 18-11-2018 anh đã cho vợ chồng anh Mông Ngọc B và chị Hoàng Thị S vay số tiền là 110.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, vay không thời hạn. Anh B và chị S là người trực tiếp nhận tiền. Sau thời điểm vay mặc dù anh đã đòi nhiều lần nhưng anh B- chị S không trả tiền. Nay anh khởi kiện yêu cầu anh Mông Ngọc B và chị Hoàng Thị S phải trả số tiền gốc đã vay là 110.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai; biên bản lấy lời khai và tại các phiên hòa giải đồng bị đơn là anh Mông Ngọc B và chị Hoàng Thị S trình bày: Ngày 16-10-2018 anh B có vay của anh Triệu Đức P số tiền là 93.000.000 đồng, anh là người trực tiếp nhận tiền, có chị Hoàng Thị Lý làm chứng (Số tiền này hai người đã thỏa thuận trong một vụ án khác). Ngày 18-11-2018 hai vợ chồng anh đến nhà anh P vay thêm 10.000.000 đồng, cộng dồn vào số tiền 93.000.000 đồng đã vay trước đó, gộp với số tiền lãi của 93.000.000 là hơn 8.000.000 đồng nhưng anh P tính tròn là 7.000.000 đồng, tổng cộng là 110.000.000 đồng. Anh P viết lại giấy biên nhận với số tiền vay là 110.000.000 đồng nhưng thực chất ngày 18-11-2018 vợ chồng anh chỉ vay thêm có 10.000.000 đồng, do sơ xuất nên anh đã không lấy lại giấy biên nhận 93.000.000 đồng vay trước đó. Nay anh P khởi kiện yêu cầu phải trả số tiền 110.000.000 đồng và tiền lãi, vợ chồng anh không nhất trí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với nhau thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 18-11-2018 giữa anh Triệu Đức P và vợ chồng anh Mông Ngọc B- chị Hoàng Thị S đã xác lập hợp đồng vay tài sản, theo đó anh B- chị S vay của anh P số tiền là 110.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, vay không thời hạn. Đến nay vợ chồng anh B- chị S chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho anh P là đúng thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được, đồng bị đơn thừa nhận có ký khế ước vay số tiền 110.000.000 đồng vào ngày 18-11-2018 nhưng cho rằng thực chất chỉ vay có 10.000.000 đồng, còn lại là 93.000.000 đồng do anh B đã vay ngày 16-10-2018 và số tiền lãi 7.000.000 đồng cộng gộp lại. Nguyên đơn khẳng định khế ước anh B- chị S vay 110.000.000 đồng ngày 18-11-2018 không liên quan đến khế ước anh B vay 93.000.000 đồng trước đó. Tại phiên tòa anh P giữ nguyên quan điểm yêu cầu vợ chồng anh B- chị S phải trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”; nếu “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh B- chị S không xuất trình được một chứng cứ nào để chứng minh 110.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 18-11-2018 đã bao gồm 93.000.000 đồng anh B

vay trước đó và 7.000.000 đồng tiền lãi anh P tính gộp lại. Trong khi đó chứng cứ do anh P cung cấp là hai giấy biên nhận vay tiền ở hai thời điểm khác nhau, số tiền khác nhau, người vay khác nhau và đều có chữ ký của bên vay. Do vậy sự phản đối của anh B và chị S nêu trên không có căn cứ chấp nhận.

Theo lời khai của các đương sự và giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất.

Tại khoản 1 điều 466 và khoản 2 điều 469 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”; “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...*”. Trong vụ án này mặc dù anh P đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh B- chị S vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Đức P có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất: Theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự thì “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*”

Khi giao kết hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận mức lãi suất 5%/tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật, mà chỉ chấp nhận mức lãi suất là 1,66%/tháng. Căn cứ quy định trên, tiền lãi từ khi vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là $110.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 19 \text{ tháng} = 35.363.000 \text{ đồng}$.

Như vậy cần buộc vợ chồng anh Mông Ngọc B- chị Hoàng Thị S có nghĩa vụ phải trả cho anh Triệu Đức P tổng số tiền gồm: Tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi là 35.363.000 đồng.

[3] Về án phí Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên anh Triệu Đức P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh Mông Ngọc B và chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Mông Ngọc B- chị Hoàng Thị S phải trả cho anh Triệu Đức P số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định...

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Mông Ngọc B và chị Hoàng Thị S có nghĩa vụ phải trả cho anh Triệu Đức P số tiền là 145.363.000 đồng.

(Một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Anh Mông Ngọc B và chị Hoàng Thị S phải chịu 7.268.000 đồng (Bảy triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Triệu Đức P được hoàn lại 3.480.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0004784 ngày 10-3-2020.

3/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô